



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY TNHH
CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 10 - 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 12 - 14 |
| 7. Báo cáo tình hình biến động vốn Chủ sở hữu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 15 |
| 8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 16 - 37 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nami An) là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, được sở hữu bởi Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc). Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 6299 8000
- Fax : (84-28) 6299 4233

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Seo Tae Young | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Chung Whan | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Jeong Donyeong | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Kwon Hyuk Jun | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017 |
| Ông Han Bok Hee | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Im Hyuk | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Han Bok Hee | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Thanh Phú | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2017 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------------|-------------------------|------------------------------------|
| Ông Kwon Hyuk Jun | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2017 |
| Ông Kang Sang In | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2017 |
| | Giám đốc khối văn phòng | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2017 |
| Bà Nguyễn Thị Nhật Linh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017 |



Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo giữa niên độ này là Ông Kwon Hyuk Jun - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2018



No. 1.1095/18/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 7 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được công ty kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận không phát hiện vấn đề bất thường về Báo cáo tài chính giữa niên độ đó tại ngày 14 tháng 8 năm 2017. Đồng thời, công ty kiểm toán này cũng đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 23 tháng 3 năm 2018.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018

300
CỔ
CHÍNH
TỔNG
A
VH.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 651.337.201.918 | 760.330.727.757 |
| I. Tài sản tài chính | 110 | | 649.256.538.488 | 759.123.757.674 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 111 | VI.1 | 226.239.848.610 | 168.136.490.180 |
| 1.1 Tiền | 111.1 | | 4.239.848.610 | 1.136.490.180 |
| 1.2 Các khoản tương đương tiền | 111.2 | | 222.000.000.000 | 167.000.000.000 |
| 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 112 | VI.3a | 413.955.550.800 | 586.504.875.450 |
| 3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 113 | | - | - |
| 4. Các khoản cho vay | 114 | | - | - |
| 5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 115 | | - | - |
| 6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | 116 | | - | - |
| 7. Các khoản phải thu | 117 | | 8.477.213.714 | 2.643.129.176 |
| 7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính | 117.1 | | - | - |
| 7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 117.2 | | 8.477.213.714 | 2.643.129.176 |
| 7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận | 117.3 | | - | - |
| 7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | 117.4 | VI.4 | 8.477.213.714 | 2.643.129.176 |
| 8. Trả trước cho người bán | 118 | VI.5 | 232.681.975 | 1.494.095.001 |
| 9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 119 | VI.6 | 321.283.389 | 331.489.615 |
| 10. Phải thu nội bộ | 120 | | - | - |
| 11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán | 121 | | - | - |
| 12. Các khoản phải thu khác | 122 | | 29.960.000 | 13.678.252 |
| 13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | 129 | | - | - |
| II. Tài sản ngắn hạn khác | 130 | | 2.080.663.430 | 1.206.970.083 |
| 1. Tạm ứng | 131 | | 1.077.564.543 | 145.920.000 |
| 2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ | 132 | | - | - |
| 3. Chi phí trả trước ngắn hạn | 133 | VI.7a | 1.003.098.887 | 746.053.970 |
| 4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 134 | | - | - |
| 5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 135 | | - | 314.996.113 |
| 6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 136 | | - | - |
| 7. Tài sản ngắn hạn khác | 137 | | - | - |
| 8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 138 | | - | - |
| 9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác | 139 | | - | - |

49
G
M
V
P1

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 155.796.580.772 | 27.015.062.616 |
| I. Tài sản tài chính dài hạn | 210 | | 130.280.109.589 | - |
| 1. Các khoản phải thu dài hạn | 211 | | - | - |
| 2. Các khoản đầu tư | 212 | | 130.280.109.589 | - |
| 2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 212.1 | VI.3b | 130.280.109.589 | - |
| 2.2. Đầu tư vào công ty con | 212.2 | | - | - |
| 2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 212.3 | | - | - |
| 2.4. Đầu tư dài hạn khác | 212.4 | | - | - |
| 3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn | 213 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 24.192.466.650 | 26.205.973.828 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | VI.8 | 14.005.110.288 | 15.260.288.148 |
| - Nguyên giá | 222 | | 24.375.875.509 | 24.375.875.509 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223a | | (10.370.765.221) | (9.115.587.361) |
| - Đánh giá tài sản cố định hữu hình theo giá trị hợp lý | 223b | | - | - |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226a | | - | - |
| - Đánh giá tài sản cố định thuê tài chính theo giá trị hợp lý | 226b | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | VI.9 | 10.187.356.362 | 10.945.685.680 |
| - Nguyên giá | 228 | | 14.541.775.600 | 14.496.285.600 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229a | | (4.354.419.238) | (3.550.599.920) |
| - Đánh giá tài sản cố định vô hình theo giá trị hợp lý | 229b | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232a | | - | - |
| - Đánh giá bất động sản đầu tư theo giá trị hợp lý | 232b | | - | - |
| IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 240 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 250 | | 1.324.004.533 | 809.088.788 |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 251 | VI.10 | 531.780.000 | 531.780.000 |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn | 252 | VI.7b | 527.716.314 | 12.800.569 |
| 3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 253 | VI.11 | - | - |
| 4. Tiền nộp quỹ lỗ trợ thanh toán | 254 | VI.12 | 264.508.219 | 264.508.219 |
| 5. Tài sản dài hạn khác | 255 | | - | - |
| VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn | 260 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 807.133.782.690 | 787.345.790.373 |

15-C
Y
UHA
UVẢ
3
3
CH

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------|--------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 661.400.825 | 754.645.609 |
| I. Nợ phải trả ngắn hạn | 310 | | 661.400.825 | 754.645.609 |
| 1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 311 | | - | - |
| 1.1. Vay ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 1.2. Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 313 | | - | - |
| 2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn | 314 | | - | - |
| 3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ | 315 | | - | - |
| 4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 5. Vay quỹ hỗ trợ thanh toán | 317 | | - | - |
| 6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 318 | | 18.902.036 | 8.099.440 |
| 7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính | 319 | | - | - |
| 8. Phải trả người bán ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 322 | VI.13 | 491.883.484 | 338.862.538 |
| 11. Phải trả người lao động | 323 | | - | 226.435.000 |
| 12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 324 | VI.14 | 114.660.270 | - |
| 13. Chi phí phải trả ngắn hạn | 325 | | 18.000.000 | 163.293.596 |
| 14. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 326 | | 17.955.035 | 17.955.035 |
| 15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 327 | | - | - |
| 16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 328 | | - | - |
| 17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 329 | | - | - |
| 18. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 330 | | - | - |
| 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 331 | | - | - |
| 20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 332 | | - | - |
| II. Nợ phải trả dài hạn | 340 | | - | - |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 341 | | - | - |
| 1.1. Vay dài hạn | 342 | | - | - |
| 1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn | 343 | | - | - |
| 2. Vay tài sản tài chính dài hạn | 344 | | - | - |
| 3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ | 345 | | - | - |
| 4. Trái phiếu phát hành dài hạn | 346 | | - | - |
| 5. Phải trả người bán dài hạn | 347 | | - | - |
| 6. Người mua trả tiền trước dài hạn | 348 | | - | - |
| 7. Chi phí phải trả dài hạn | 349 | | - | - |
| 8. Phải trả nội bộ dài hạn | 350 | | - | - |
| 9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 351 | | - | - |
| 10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 352 | | - | - |
| 11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn | 353 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 354 | | - | - |
| 13. Quỹ bảo vệ nhà đầu tư | 355 | | - | - |
| 14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 356 | | - | - |
| 15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 357 | | - | - |

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 806.472.381.865 | 786.591.144.764 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 806.472.381.865 | 786.591.144.764 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 812.600.000.000 | 812.600.000.000 |
| 1.1. <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i> | 411.1 | | 812.600.000.000 | 812.600.000.000 |
| 1.3. <i>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn</i> | 411.3 | | - | - |
| 1.4. <i>Vốn khác của chủ sở hữu</i> | 411.4 | | - | - |
| 2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý | 412 | | - | - |
| 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 413 | | - | - |
| 4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 414 | | - | - |
| 5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 415 | | - | - |
| 6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 416 | | - | - |
| 7. Lợi nhuận chưa phân phối | 417 | | (6.127.618.135) | (26.008.855.236) |
| 7.1. <i>Lợi nhuận đã thực hiện</i> | 417.1 | | (6.139.808.368) | (26.010.301.628) |
| 7.2. <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i> | 417.2 | | 12.190.233 | 1.446.392 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 420 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 440 | | 807.133.782.690 | 787.345.790.373 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2018



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|---------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 01 | | 20.798.466.610 | 2.595.146.800 |
| a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL | 01.1 | | - | 91.404 |
| b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 01.2 | | 675.350 | 275.954 |
| c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL | 01.3 | VIII.1 | 20.797.791.260 | 2.594.779.442 |
| 1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 02 | | 2.413.945.206 | - |
| 1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 03 | | - | - |
| 1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 04 | | - | - |
| 1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro | 05 | | - | - |
| 1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán | 06 | | 5.244.587.607 | 49.034.248 |
| 1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 07 | | 200.000.000 | - |
| 1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 08 | | - | - |
| 1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 09 | | 29.960.000 | 16.480.072 |
| 1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 10 | VIII.2 | 5.078.009.749 | 2.658.448.431 |
| 1.11. Thu nhập hoạt động khác | 11 | | - | 10 |
| Cộng doanh thu hoạt động | 20 | | 33.764.969.172 | 5.319.109.561 |
| II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 21 | | - | - |
| a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL | 21.1 | | - | - |
| b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 21.2 | | - | - |
| c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL | 21.3 | | - | - |
| 2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 22 | | - | - |
| 2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại | 23 | | - | - |
| 2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay | 24 | | - | - |
| 2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro | 25 | | - | - |
| 2.6. Chi phí hoạt động tự doanh | 26 | | - | - |
| 2.7. Chi phí môi giới chứng khoán | 27 | VIII.3 | 5.679.033.536 | 2.916.134.103 |
| 2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 28 | | - | - |
| 2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 29 | | - | - |
| 2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 30 | | 24.068.881 | 16.555.473 |
| 2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 31 | VIII.4 | 2.042.274.403 | 857.862.843 |
| 2.12. Chi phí các dịch vụ khác | 32 | | - | 71.500 |
| Cộng chi phí hoạt động | 40 | | 7.745.376.820 | 3.790.623.919 |
| III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 41 | | 21.433.152 | - |
| 3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định | 42 | | 43.302.106 | 3.410.960 |
| 3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh | 43 | | - | - |
| 3.4. Doanh thu khác về đầu tư | 44 | | - | - |
| Cộng doanh thu hoạt động tài chính | 50 | | 64.735.258 | 3.410.960 |
| IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | | |
| 4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 51 | | 23.131.639 | 84.154.340 |
| 4.2. Chi phí lãi vay | 52 | | 317.041.096 | - |
| 4.3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh | 53 | | - | - |
| 4.4. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 54 | | - | - |
| 4.5. Chi phí tài chính khác | 55 | | - | - |
| Cộng chi phí tài chính | 60 | | 340.172.735 | 84.154.340 |
| V. CHI PHÍ BÁN HÀNG | 61 | | - | - |
| VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN | 62 | VIII.5 | 5.862.919.130 | 8.688.238.082 |
| VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | 70 | | 19.881.235.745 | (7.240.495.820) |

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-------|-------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | | |
| 8.1. Thu nhập khác | 71 | | 1.397 | 933 |
| 8.2. Chi phí khác | 72 | | 41 | 2 |
| Cộng kết quả hoạt động khác | 80 | | <u>1.356</u> | <u>931</u> |
| IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | 90 | | 19.881.237.101 | (7.240.494.889) |
| 9.1. Lợi nhuận đã thực hiện | 91 | | 19.870.493.260 | (7.239.525.190) |
| 9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 92 | | 10.743.841 | (969.699) |
| X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP | 100 | | - | - |
| 10.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 100.1 | VI.13 | - | - |
| 10.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 100.2 | | - | - |
| XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP | 200 | | 19.881.237.101 | (7.240.494.889) |
| XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP | 300 | | - | - |
| 12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 301 | | - | - |
| 12.2. Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài | 302 | | - | - |
| 12.3. Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý | 303 | | - | - |
| 12.4. Lãi, lỗ toàn diện khác | 304 | | - | - |
| TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN | 400 | | <u>19.881.237.101</u> | <u>(7.240.494.889)</u> |



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập biểu/Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2018


Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

498
NG T
EM H
N VÀ
&
PH

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp | 01 | | 19.881.237.101 | (7.240.494.889) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | 02 | | (3.775.087.360) | 3.583.200.466 |
| - Khấu hao tài sản cố định | 03 | VI.8, 9 | 2.058.997.178 | 1.844.658.870 |
| - Các khoản dự phòng | 04 | | - | - |
| - (- Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 05 | | - | - |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 07 | | - | - |
| - Dự thu tiền lãi | 08 | VI.4 | (5.834.084.538) | 1.738.541.596 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 09 | | - | - |
| 3. Tăng các chi phí phi tiền tệ | 10 | | - | - |
| - Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 11 | | - | - |
| - Lỗ suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 12 | | - | - |
| - Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay | 13 | | - | - |
| - Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại | 14 | | - | - |
| - Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, bất động sản đầu tư | 15 | | - | - |
| - Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 16 | | - | - |
| - Lỗ khác | 17 | | - | - |
| 4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ | 18 | | (675.350) | (275.954) |
| - Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 19 | | (675.350) | (275.954) |
| - Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại | 20 | | - | - |
| - Lãi khác | 21 | | - | - |
| 5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 30 | | 172.323.483.628 | 1.244.983.352 |
| - Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 31 | | 172.550.000.000 | 3.558.690.421 |
| - Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM | 32 | | - | - |
| - Tăng (giảm) các khoản cho vay | 33 | | - | - |
| - Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS | 34 | | - | - |
| - (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính | 35 | | - | - |
| - (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 36 | | - | - |
| - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 37 | | 10.206.226 | (289.723.179) |
| - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán | 38 | | - | - |
| - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác | 39 | | 1.245.131.278 | 1.091.559 |
| - Tăng (giảm) các tài sản khác | 40 | | (616.648.430) | (6.000.010) |
| - Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) | 41 | | (145.293.596) | (257.242.213) |
| - Tăng (giảm) chi phí trả trước | 42 | | (771.960.662) | (212.573.439) |
| - (-) Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 43 | | - | - |
| - (-) Lãi vay đã trả | 44 | | - | - |
| - Tăng (giảm) phải trả người bán | 45 | | - | (1.735.768.222) |
| - Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 46 | | 114.660.270 | (13.002.800) |
| - Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp) | 47 | | 153.020.946 | 373.511.547 |
| - Tăng (giảm) phải trả người lao động | 48 | | (226.435.000) | (188.720.312) |
| - Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính | 49 | | - | - |
| - Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác | 50 | | 10.802.596 | 14.720.000 |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 51 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 52 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 60 | | 188.428.958.019 | (2.412.587.025) |

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-----------------------------------|------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác | 61 VI.9 | (45.490.000) | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác | 62 | - | - |
| 3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác | 63 VI.3b | (130.280.109.589) | - |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác | 64 | - | - |
| 5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 65 | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | 70 | (130.325.599.589) | - |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 71 | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu quỹ | 72 | - | - |
| 3. Tiền vay gốc | 73 | - | - |
| 3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 73.1 | - | - |
| 3.2. Tiền vay khác | 73.2 | - | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 74 | - | - |
| 4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 74.1 | - | - |
| 4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính | 74.2 | - | - |
| 4.3. Tiền chi trả gốc vay khác | 74.3 | - | - |
| 5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | 75 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 76 | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 80 | - | - |
| IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ | 90 | 58.103.358.430 | (2.412.587.025) |
| V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | | | |
| - Tiền | 101 VI.1 | 168.136.490.180 | 5.859.064.386 |
| - Các khoản tương đương tiền | 101.1 | 1.136.490.180 | 1.859.064.386 |
| - Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 101.2 | 167.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| | 102 | - | - |
| VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | | | |
| - Tiền | 103 VI.1 | 226.239.848.610 | 3.446.477.361 |
| - Các khoản tương đương tiền | 103.1 | 4.239.848.610 | 3.446.477.361 |
| - Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 103.2 | 222.000.000.000 | - |
| | 104 | - | - |



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

| CHỈ TIÊU | Mã số | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | | |
|---|-----------|-----------------------------------|----------------------|--------------------|
| | | Năm nay | Năm trước | |
| I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | | | |
| 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | 01 | 14.651.096.252 | 10.809.409.200 | |
| 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | 02 | (35.109.332.604) | (15.843.396.700) | |
| 3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng | 03 | - | - | |
| 4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng | 04 | - | - | |
| 5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 05 | - | - | |
| 6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 06 | - | - | |
| 7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 07 | 20.664.028.688 | 4.870.358.147 | |
| 8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 08 | - | - | |
| 9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng | 09 | - | - | |
| 10. Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng | 10 | - | - | |
| 11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng | 11 | - | - | |
| 12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán | 12 | - | - | |
| 13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán | 13 | - | - | |
| 14. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán | 14 | 43.780.000 | - | |
| 15. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán | 15 | (36.000.000) | - | |
| Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ | 20 | 213.572.336 | (163.629.353) | |
| II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng | 30 | VII.2 | 526.334.613 | 407.596.463 |
| Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ: | 31 | - | - | |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 32 | 255.490.413 | 403.768.463 | |
| <i>Trong đó có kỳ hạn:</i> | | | | |
| - Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng | 33 | - | - | |
| - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 34 | 270.844.200 | 3.828.000 | |
| - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | 35 | - | - | |
| <i>Trong đó có kỳ hạn:</i> | | | | |
| Các khoản tương đương tiền | 36 | - | - | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 37 | - | - | |
| III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng | 40 | VII.2 | 739.906.949 | 243.967.110 |
| Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ: | 41 | - | - | |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 42 | 715.817.517 | 186.613.610 | |
| <i>Trong đó có kỳ hạn:</i> | | | | |
| - Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng | 43 | 3.378.744 | - | |
| - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 44 | 20.710.688 | 57.353.500 | |
| - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | 45 | - | - | |
| <i>Trong đó có kỳ hạn:</i> | | | | |
| Các khoản tương đương tiền | 46 | - | - | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 47 | - | - | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2018



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Số đầu năm | | Thay đổi trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|--|------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | 6 tháng 2017 | | 6 tháng 2018 | | Ngày 30/06/2017 | |
| | Ngày 01/01/2017 | Ngày 01/01/2018 | Tăng | Giảm | Ngày 30/06/2017 | Ngày 30/06/2018 |
| I. Biến động vốn chủ sở hữu | | | | | | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 146.000.000.000 | 812.600.000.000 | - | - | 146.000.000.000 | 812.600.000.000 |
| 1.1. Vốn pháp định | 135.000.000.000 | 135.000.000.000 | - | - | 135.000.000.000 | 135.000.000.000 |
| 1.2. Vốn bổ sung | 11.000.000.000 | 677.600.000.000 | - | - | 11.000.000.000 | 677.600.000.000 |
| 1.3. Thặng dư vốn cổ phần | - | - | - | - | - | - |
| 1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn | - | - | - | - | - | - |
| 1.5. Vốn khác của chủ sở hữu | - | - | - | - | - | - |
| 2. Có phiếu quỹ | - | - | - | - | - | - |
| 3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ | - | - | - | - | - | - |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | - | - | - | - | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý | - | - | - | - | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | - | - | - | - |
| 7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | - | - | - | - |
| 8. Lợi nhuận chưa phân phối | (11.293.584.911) | (26.008.855.236) | 7.240.494.889 | 19.881.257.101 | (18.534.079.800) | (6.127.618.135) |
| 8.1. Lợi nhuận đã thực hiện | (11.293.277.207) | (26.010.301.628) | 7.239.832.894 | 19.870.493.260 | (18.533.110.101) | (6.139.808.368) |
| 8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | (307.704) | 1.446.392 | 661.995 | 10.763.841 | (969.699) | 12.190.233 |
| Cộng | 134.706.415.089 | 786.591.144.764 | 7.240.494.889 | 19.881.257.101 | 127.465.920.200 | 806.472.381.865 |

II. Thu nhập toàn diện khác

- Lãi, lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài
- Lãi, lỗ toàn diện khác

Cộng



Nguyễn Thị Nhật Linh
 Người lập biểu/Kế toán trưởng



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An) là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, được sở hữu bởi Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc). Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc thay đổi vốn điều lệ.

2. Địa chỉ liên hệ

Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 08 tháng 3 năm 2017, đến nay chưa có chỉnh sửa, bổ sung.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

- Quy mô vốn:
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 812.600.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 806.472.381.865 VND, tổng tài sản là 807.133.782.690 VND.
- Mục tiêu hoạt động:
Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng; hưởng lợi ích hợp lý và hợp pháp từ việc cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng; tiến đến vị trí top 5 công ty chứng khoán có hoạt động kinh doanh tốt nhất vào năm 2020; đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư; xây dựng nguồn nhân lực thông minh, hiệu quả và chuyên nghiệp; quản trị tài chính hợp lý nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.
- Hạn chế đầu tư:
 - Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
 - Công ty không được mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty với giá trị còn lại vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng tài sản của Công ty.
 - Công ty không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu tổ chức khác, trong đó không sử dụng quá 20% vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập và mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh Công ty đang thực hiện;
 - ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:
 - + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
 - + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
- Cấu trúc:
Công ty không có công ty con, công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 24 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 25 nhân viên).

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Công ty kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngay khi phát sinh.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc,
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

6. Phân loại lại tài sản tài chính

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ - Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

100
CÔ
HN
TO
A
7.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo trì phần mềm, hệ thống. Chi phí này được phân bổ theo vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào kỳ hạn hiệu lực của hợp đồng bảo trì.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 |
| Máy móc, thiết bị | 08 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 08 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, chi phí thiết kế và duy trì website.

1987
GTY
M HỮU
VÀ TL
C
PHỞ

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

Chi phí thiết kế website

Chi phí thiết kế website bao gồm giá mua và chi phí đăng ký. Chi phí thiết kế và duy trì website được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 08 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ của Công ty ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính:

| | Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|--|--|----------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 5% | 10% vốn điều lệ |

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

15. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

30
C
CH
AT
A
VH

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOẢN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và,
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc,
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ở các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào trái phiếu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào trái phiếu thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty chỉ đầu tư vào các loại trái phiếu của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i> | <i>413.955.550.800</i> | <i>586.504.875.450</i> |
| <i>Tài sản tài chính khác</i> | <i>139.640.346.692</i> | <i>3.665.997.043</i> |
| Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 8.477.213.714 | 2.643.129.176 |
| Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 321.283.389 | 331.489.615 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 130.280.109.589 | - |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 531.780.000 | 531.780.000 |
| Các khoản phải thu khác | 29.960.000 | 13.678.252 |
| <i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | <i>226.239.848.610</i> | <i>168.136.490.180</i> |
| Cộng | <u>779.835.746.102</u> | <u>758.161.442.673</u> |

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 48.423.000 | 519.000 |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty | 4.191.425.610 | 1.135.971.180 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) | <u>222.000.000.000</u> | <u>167.000.000.000</u> |
| Cộng | <u>226.239.848.610</u> | <u>168.136.490.180</u> |

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ

| | Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ | Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ |
|-----------------------|---|---|
| <i>Của Công ty</i> | <u>130</u> | <u>130.280.109.589</u> |
| Cổ phiếu | - | - |
| Trái phiếu | 130 | 130.280.109.589 |
| Chứng khoán khác | - | - |
| <i>Của nhà đầu tư</i> | - | - |
| Cổ phiếu | - | - |
| Trái phiếu | - | - |
| Chứng khoán khác | - | - |
| Cộng | <u><u>130</u></u> | <u><u>130.280.109.589</u></u> |

3. Các loại tài sản tài chính

3a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

| C | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 | 366.500.000.000 | 366.500.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 | 220.000.000.000 | 220.000.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 | - | - |
| Chứng chỉ tiền gửi tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng | 99.950.000.000 | 99.950.000.000 | - | - |
| Cổ phiếu niêm yết | 3.429.058 | 5.550.800 | 3.429.058 | 4.875.450 |
| Cộng | <u><u>413.953.429.058</u></u> | <u><u>413.955.550.800</u></u> | <u><u>586.503.429.058</u></u> | <u><u>586.504.875.450</u></u> |

hạn từ 3 tháng đến 48 tháng và được hưởng lãi suất từ 4,6%/năm đến 8%/năm.

3b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------------------------|-----------------|
| Trái phiếu kỳ hạn 5 năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động | 30.280.109.589 | - |
| Trái phiếu kỳ hạn 2 năm của Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam | 100.000.000.000 | - |
| Cộng | <u><u>130.280.109.589</u></u> | <u><u>-</u></u> |

4. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (là bên liên quan) | 6.250.958.904 | 1.578.573.611 |
| Phải thu các khách hàng khác | 2.226.254.810 | 1.064.555.565 |
| Cộng | <u><u>8.477.213.714</u></u> | <u><u>2.643.129.176</u></u> |

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAMĐịa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) | - | 910.679.178 |
| Công ty TNHH Công nghệ thông tin Tín Quân | - | 476.300.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 232.681.975 | 107.115.823 |
| Cộng | 232.681.975 | 1.494.095.001 |

6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| Phải thu dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động | 317.860.715 | 328.580.358 |
| Phải thu phí dịch vụ khác | 3.422.674 | 2.909.257 |
| Cộng | 321.283.389 | 331.489.615 |

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|--------------------|
| Phí bảo trì phần mềm, hệ thống | 644.469.561 | 664.913.062 |
| Phí thuê bao dữ liệu qua phần mềm FiinPro Platform | 81.000.000 | 32.400.000 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 277.629.326 | 48.740.908 |
| Cộng | 1.003.098.887 | 746.053.970 |

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|--------------------|-------------------|
| Phí phần mềm | 281.663.333 | - |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 246.052.981 | 12.800.569 |
| Cộng | 527.716.314 | 12.800.569 |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc thiết bị</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-----------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 1.289.081.100 | 10.021.776.992 | 13.065.017.417 | 24.375.875.509 |
| Số cuối kỳ | 1.289.081.100 | 10.021.776.992 | 13.065.017.417 | 24.375.875.509 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 6.534.682.841 | 7.148.157.183 | 13.682.840.024 |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 902.356.776 | 2.870.662.901 | 5.342.567.684 | 9.115.587.361 |
| Khấu hao trong kỳ | 64.454.058 | 616.431.252 | 574.292.550 | 1.255.177.860 |
| Số cuối kỳ | 966.810.834 | 3.487.094.153 | 5.916.860.234 | 10.370.765.221 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 386.724.324 | 7.151.114.091 | 7.722.449.733 | 15.260.288.148 |
| Số cuối kỳ | 322.270.266 | 6.534.682.839 | 7.148.157.183 | 14.005.110.288 |

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Chi phí thiết kế website | Cộng |
|---------------------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 314.420.000 | 14.097.665.600 | 84.200.000 | 14.496.285.600 |
| Mua sắm mới | - | 45.490.000 | - | 45.490.000 |
| Số cuối kỳ | 314.420.000 | 14.143.155.600 | 84.200.000 | 14.541.775.600 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 314.420.000 | 1.233.936.000 | 84.200.000 | 1.632.556.000 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | - | 3.466.399.920 | 84.200.000 | 3.550.599.920 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 803.819.318 | - | 803.819.318 |
| Số cuối kỳ | - | 4.270.219.238 | 84.200.000 | 4.354.419.238 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 314.420.000 | 10.631.265.680 | - | 10.945.685.680 |
| Số cuối kỳ | 314.420.000 | 9.872.936.362 | - | 10.187.356.362 |

10. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Đặt cọc thuê văn phòng | 516.780.000 | 516.780.000 |
| Ký quỹ taxi Mai Linh | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Cộng | 531.780.000 | 531.780.000 |

11. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang bù trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau. Chi tiết như sau:

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế | Đã chuyển lỗ đến 30 tháng 6 năm 2018 | Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 |
|---------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------------------|---|
| 2013 | 2018 | 664.760.499 | 664.760.499 | - |
| 2014 | 2019 | 2.566.075.498 | 2.566.075.498 | - |
| 2015 | 2020 | 6.110.619.994 | 6.110.619.994 | - |
| 2016 | 2021 | 14.178.526.775 | 10.603.929.957 | 3.574.596.818 |
| 2017 | 2022 | 14.451.159.901 | - | 14.451.159.901 |
| Cộng | | 37.971.142.667 | 19.945.385.948 | 18.025.756.719 |

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới năm trước, nhưng không vượt quá 2.500.000.000 VND/năm.

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 264.508.219 | 120.000.000 |
| Tiền nộp bổ sung | - | 144.508.219 |
| Số cuối kỳ | <u>264.508.219</u> | <u>264.508.219</u> |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Số cuối kỳ |
|--------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| | | trong kỳ | trong kỳ | |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 55.818.662 | (33.721.398) | 22.097.264 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - |
| Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên | 328.684.650 | 821.485.014 | (707.911.804) | 442.257.860 |
| Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư | 5.299.339 | 14.693.377 | (12.696.070) | 7.296.646 |
| Thuế nhà thầu | 4.878.549 | 195.076.514 | (179.723.349) | 20.231.714 |
| Thuế môn bài | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Cộng | 338.862.538 | 1.090.073.567 | (937.052.621) | 491.883.484 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--------------------------------|-----------------|
| - Dịch vụ môi giới chứng khoán | Không chịu thuế |
| - Dịch vụ khác | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 19.881.237.101 | (7.240.494.889) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản chi phí không được trừ | 64.153.847 | 175.704.556 |
| - Hoàn nhập dự phòng | - | (275.955) |

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập chịu thuế | 19.945.390.948 | (7.065.066.288) |
| Cổ tức được chia | (5.000) | (12.500) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | (19.945.385.948) | - |
| Thu nhập tính thuế | - | (7.065.078.788) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | - | - |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|--------------------|------------|
| Kinh phí công đoàn | 8.671.960 | - |
| Bảo hiểm xã hội | 84.047.490 | - |
| Bảo hiểm y tế | 14.831.910 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 7.108.910 | - |
| Cộng | 114.660.270 | - |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 99.772.560.000 | 95.220.330.000 |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán | - | 31.500.000 |
| Cộng | 99.772.560.000 | 95.251.830.000 |

2. Tiền gửi của nhà đầu tư

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i> | <i>708.037.517</i> | <i>255.490.413</i> |
| Của nhà đầu tư trong nước | 27.818.965 | 36.371.729 |
| Của nhà đầu tư nước ngoài | 680.218.552 | 219.118.684 |
| <i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i> | <i>3.378.744</i> | <i>-</i> |
| <i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i> | <i>20.710.688</i> | <i>270.844.200</i> |

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Của nhà đầu tư trong nước | 3.184.000 | 59.517.000 |
| Của nhà đầu tư nước ngoài | 17.526.688 | 211.327.200 |
| Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán | 7.780.000 | - |
| Cộng | 739.906.949 | 526.334.613 |

3. Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Của nhà đầu tư trong nước | 26.579.508 | 91.654.389 |
| Của nhà đầu tư nước ngoài | 685.003.669 | 430.445.884 |
| Cộng | 711.583.177 | 522.100.273 |

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ bán các tài sản tài chính PVTPL

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--------------|--|----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Cổ tức | 5.000 | 12.500 |
| Lãi tiền gửi | 20.797.786.260 | 2.594.766.942 |
| Cộng | 20.797.791.260 | 2.594.779.442 |

2. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---|--|----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Thu phí tư vấn tìm đối tác tìm năng cho khách hàng | 1.686.747.637 | 2.061.363.636 |
| Thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động công ty mục tiêu của khách hàng | 619.982.762 | 556.940.407 |
| Thu phí dịch vụ tư vấn, giám sát hoạt động liên quan đến thỏa thuận cấp tín dụng của khách hàng | 2.771.279.350 | - |
| Doanh thu khác | - | 40.144.388 |
| Cộng | 5.078.009.749 | 2.658.448.431 |

3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---|--|----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí giao dịch chứng khoán | 367.649.171 | 610.904.693 |
| Chi phí khấu hao | 1.583.210.582 | 1.374.328.500 |
| Chi phí nhân viên | 467.782.552 | 353.380.800 |
| <i>Lương và các khoản phúc lợi</i> | <i>382.767.727</i> | <i>285.720.000</i> |
| <i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn</i> | <i>85.014.825</i> | <i>67.660.800</i> |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.996.704.311 | 378.804.879 |
| Chi phí khác | 263.686.920 | 198.715.231 |
| Cộng | 5.679.033.536 | 2.916.134.103 |

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên tư vấn | 1.608.313.755 | 291.037.500 |
| <i>Lương và các khoản phúc lợi</i> | <i>1.422.089.680</i> | <i>237.397.500</i> |
| <i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn</i> | <i>186.224.075</i> | <i>53.640.000</i> |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 229.379.600 | 378.804.880 |
| Chi phí khác | 204.581.048 | 188.020.463 |
| Cộng | 2.042.274.403 | 857.862.843 |

5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 3.910.932.615 | 6.021.468.104 |
| <i>Lương và các khoản phúc lợi</i> | <i>3.664.755.210</i> | <i>5.798.810.104</i> |
| <i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn</i> | <i>246.177.405</i> | <i>222.658.000</i> |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 55.216.718 | 37.071.407 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.563.566 | 5.971.200 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 475.786.596 | 470.330.370 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.075.306.080 | 1.813.590.383 |
| Các chi phí khác | 343.113.555 | 339.806.618 |
| Cộng | 5.862.919.130 | 8.688.238.082 |

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành**
Không có.
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi Lũy kế chưa được ghi nhận**
Không có.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu**
Không có.

3301
CỔ
CH
MTC
A
NH-

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng với tổng số tiền là 2.341.048.800 VND (cùng kỳ năm trước là 3.583.882.083 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Các bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|-------------------------------|
| Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc) | Công ty mẹ |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam | Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc) | | |
| Chi phí môi giới | 701.055.832 | 15.034.853 |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam | | |
| Thu lãi tiền gửi | 6.687.072.192 | 1.907.640.677 |
| Chi phí dịch vụ | - | 470.000 |

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------|--|-----------------|--|
| | | | | |
| Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc) | | | | |
| Phải trả ngắn hạn khác | 17.955.035 | | 17.955.035 | |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam | | | | |
| Tiền gửi không kỳ hạn | 3.851.090.186 | | 1.109.339.965 | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 200.000.000.000 | | 533.500.000.000 | |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 6.250.958.904 | | 1.578.573.611 | |

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 1.639.440.000 | 1.246.070.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 3.422.611.726 | - |
| Cộng | <u>5.062.051.726</u> | <u>1.246.070.000</u> |

Công ty thuê 264 m² tại Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có kỳ hạn 3 năm, hết hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2021, giá thuê 517.500 VND/m²/tháng.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2018

Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

